

C, ngày 24 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày **16 tháng 02 năm 2023** về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 187/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q (V).

Địa chỉ: Tầng 1 (Tầng Trệt) và Tầng 2 Tòa nhà S, Số 111A P, Phường B, Quận 1, Thành phố H2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Thành C - Chức vụ: Giám đốc THN trực tiếp và XLN TTQLN NHBL 2 – V theo Giấy uỷ quyền số: 107083.xx ngày 03/10/2022 của TGD Ngân hàng TMCP Q

Ông Trần Thành Công uỷ quyền cho ông Vũ Tiến B, Ông Đào Huy H, bà Phan Thị H (Theo Giấy uỷ quyền số 108654.xx ngày 18/10/2022).

*** Bị đơn:** 1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974.

2. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1967.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn G: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974 (Theo giấy uỷ quyền chứng thực của UBND xã Đ, huyện C ngày 14/02/2023).

HKTT và cư trú: Đội 5, thôn H, xã Đ, huyện C, H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1995 (Con ông G – Bà P);
2. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2001 (Con ông G – Bà P).
3. Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 2003 (Con ông G – Bà P).

Đại diện theo uỷ quyền của chị C, chị D, anh H: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974 (Theo giấy uỷ quyền lập tại Tòa án nhân dân huyện C ngày 03/01/2023)

Đều trú tại: Đội 5, thôn H, xã Đ, huyện C, H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn G còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/02/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 5895125.xx ngày 31/12/2019 và Hợp đồng tín dụng số 4819059.xx ngày 14/7/2020 như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 5895125.xx, ngày 31/12/2019: Nợ gốc: 737.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 40.240.535 đồng; nợ lãi quá hạn: 51.571.221 đồng; tổng cộng: 828.811.756 (Tám trăm hai mươi tám triệu, tám trăm mười một nghìn, bảy trăm năm mươi sáu) đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 4819059.xx ngày 14/7/2020: Nợ gốc: 169.441.918 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.767.830 đồng; nợ lãi quá hạn: 11.994.644 đồng; tổng cộng: 190.204.392 (Một trăm chín mươi triệu, hai trăm linh tư nghìn, ba trăm chín mươi hai) đồng.

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn G phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo các kỳ như sau:

+ Kỳ 1: Đến ngày 25/03/2023, bà P và ông G trả nợ số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng gốc;

+ Kỳ 2: Đến ngày 25/04/2023, bà P và ông G trả nợ số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng gốc;

+ Kỳ 03: Đến ngày 25/05/2023, bà P và ông G có nghĩa vụ tất toán toàn bộ số tiền còn nợ.

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn G phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 17/02/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

2.2. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trong trường hợp bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn G vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 434, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thôn H, xã Đ, huyện C, H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 1996xx, số vào sổ cấp GCN: 002xx do UBND huyện C, Tp. H cấp ngày 03/01/2013) mang tên ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị P.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị P tự nguyện chịu án phí dân sự là 21.285.242 (Hai mươi một triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi hai) đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 20.500.000 (Hai mươi triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/000764xx ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện C;
- CCTHSDS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Hiếu